

Bản án số: 61/2017/HSST
Ngày: 29/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phúc N

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hải , Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn Hoàn Lão, B.

Ông Nguyễn Văn Cao, Cán bộ nghỉ hưu tại thị trấn Hoàn Lão, B.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Cán bộ Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Trần Cẩm Thanh, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/HSST ngày 14/9/2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Duy N (Tên gọi khác: không); sinh ngày 08/4/1963, tại L, Quảng Bình; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: lớp 7/7; con ông Nguyễn Duy L và bà Hoàng Thị Ch (đã chết); có vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1964; con có 03 đứa (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1995). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2017 đến ngày 24/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1989; trú tại: Thôn Sa B, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy N biết được thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình muốn bán một lô gỗ tại Lâm trường B, thuộc xã P, huyện B nên đã giới thiệu cho Lê Văn C ở V, Quảng Trị để mua lô gỗ trên. C hứa sẽ bồi dưỡng công giới thiệu cho N khi mua được số gỗ trên, ngày 04/5/2017 anh Lê Văn T (anh Trai C) cho xe vào Lâm trường B bốc gỗ, đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi xe chở gỗ ra đến trạm kiểm lâm B thì gặp N đi cùng một người khác, N yêu cầu đưa tiền bồi dưỡng môi giới. T điện thoại nói lại sự việc cho C biết, C nói có 4.000.000 đồng. Lê Văn L(người đi cùng T) đi xe máy đến gặp C lấy 4.000.000 đồng đưa

đến cho T, T giao cho N. Sáng ngày 06/5/2017 C cho bốn xe vào Lâm trường Bbốc gỗ thì N gọi điện cho Trần Anh Ch, Hà Minh Qu, Lê Quang H, Mai Văn T, Lê Văn D, Nguyễn Hữu H rủ đi chơi và đòi nợ, N thuê xe ô tô BKS 73A-01734 của Phạm Tuấn Ngh ở Quảng Ninh cùng đi lên bãi gỗ, mục đích của N gọi đông người để C sợ đưa thêm tiền theo yêu cầu của N, nhưng việc này N không nói cho cả nhóm nghe mà chỉ rủ mọi người đi chơi và đòi nợ. Khi đi Lê Quang H mang theo 01 cây rựa, Ch mang theo một cây mã tấu. Khi lên đến Trạm kiểm lâm Thác Chuối thuộc địa phận xã P, B cả nhóm vào một quán nước cách Trạm kiểm lâm 03 - 04km. N điện thoại cho C yêu cầu đưa thêm tiền, C nói trong bãi gỗ có 8.000.000 đồng vào gặp T mà lấy, N nói H và Ch vào gặp T mà lấy tiền nhưng T chỉ đưa 4.500.000 đồng, N tiếp tục gọi điện thoại cho C yêu cầu đưa thêm tiền, N nói: “Tau lên đây 3-4 xe ô tô mi biết công cán của bọn tau mấy rồi đó”. Khoảng 16 giờ cùng ngày C chở bà Nguyễn Thị H (mẹ của C) đến gặp N ở quán nước, N nói “Tiền mô rồi, đưa cho tau”, bà Hảo nói: “Răng mấy chú chần con tôi, mần được cái chi mà chần ni, chần khác” rồi đưa cho N 10.000.000 đồng và nói “Bác lấy chừng đó cũng được”, N nói: “Đưa từng ni mần được cái chi, đưa cho đủ 20.000.000 đồng”, bà Hảo đưa tiếp cho N 5.000.000 đồng. N tiếp tục yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng nữa, vì không có tiền mặt nên C đi rút tiền để giao cho N thì lực lượng công an huyện B phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền mà N nhận từ C là 23.500.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng C trả cho N công môi giới mua gỗ theo thỏa thuận, số tiền mà N đe dọa chiếm đoạt của C là 19.500.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT thu giữ 01 đuôi gỗ dài 01m, hình trụ tròn, đường kính 03cm; 01 cây rựa dài 70cm; 01 cây mã tấu dài 86cm, hiện chưa xử lý; Thu giữ tại Phạm T Nghĩa 01 (một) xe ô tô BKS 73A-01734 và 01 ĐTDĐ hiệu OPPO F1, hiện đã trả lại cho Nghĩa; Thu giữ tại Lê Văn C 01 xe mô tô BKS 73G1-05884, đã xử lý trả lại cho C; Thu giữ tại Nguyễn Duy N 19.500.000 đồng do N chiếm đoạt của Lê Văn C, đã xử lý trả lại cho C; Thu giữ tại Nguyễn Duy N 2.100.000đ, 01 ví da màu đen, 01 CMND, 01 ĐTDĐ Nokia màu đen RM 1172, đã xử lý trả lại cho Nguyễn Duy N; Thu giữ tại Lê Quang Huy 01 ĐTDĐ hiệu OPPO; Thu giữ của Mai Văn T 01 ĐTDĐ Samsung; Thu giữ của Lê Văn Dũng 01 ĐTDĐ Nokia 1280, đã trả lại cho chủ sở hữu.

Trách nhiệm dân sự: Lê Văn C yêu cầu Nguyễn Duy N trả lại số tiền 19.500.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ, Cơ quan điều tra thấy số tiền trên do N chiếm đoạt của C nên đã trả lại cho C, C nhận đủ và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 59/THQCT-KSĐT ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự 2015; các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Ý kiến của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Duy N đã thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời trình bày của người bị hại, những người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và được xét hỏi tranh luận tại phiên tòa. Do đó có cơ sở xác định: Nguyễn Duy N giới thiệu cho Lê Văn C ở V, Quảng Trị mua lô gỗ tại Lâm trường Ba Rền, thuộc xã P, huyện B. C hứa sẽ bồi dưỡng công giới thiệu cho N khi mua được số gỗ trên. Sáng ngày 06/5/2017 C cho bốn xe vào Lâm trường B bốc gỗ thì N gọi điện cho Trần Anh Ch, Hà Minh Qu, Lê Quang H, Mai Văn T, Lê Văn D, Nguyễn Hữu H rủ đi chơi và đòi nợ. N điện thoại cho C yêu cầu đưa thêm tiền, C nói trong bãi gỗ có 8.000.000 đồng vào gặp T mà lấy, nhưng T chỉ đưa 4.500.000 đồng, N tiếp tục gọi điện thoại cho C yêu cầu đưa thêm tiền, N nói: “Tau lên đây 3-4 xe ô tô mi biết công cán của bọn tau mấy rồi đó”. Khoảng 16 giờ cùng ngày C chở bà Nguyễn Thị H (mẹ của C) đến gặp N ở quán nước, N nói “Tiền mô rồi, đưa cho tau”, bà Hảo nói: “Răng mấy chú chán con tôi, mần được cái chi mà chán ni, chán khác” rồi đưa cho N 10.000.000 đồng và nói “Bác lấy chừng đó cũng được”, N nói: “Đưa từng ni mần được cái chi, đưa cho đủ 20.000.000 đồng”, bà Hảo đưa tiếp cho N 5.000.000 đồng. N tiếp tục yêu cầu đưa thêm 10.000.000 đồng nữa, vì không có tiền mặt nên C đi rút tiền để giao cho N thì lực lượng Công an huyện B phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền mà N nhận từ C là 23.500.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng C trả cho N công môi giới mua gỗ theo thỏa thuận, số tiền mà N đe dọa chiếm đoạt của C là 19.500.000 đồng. Như vậy, Nguyễn Duy N thực hiện hành vi gọi điện thoại đe dọa, tổ chức nhiều người cùng đi với mình để tạo áp lực buộc người bị hại phải đưa tiền, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Xét quá trình nhân thân, hành vi, mức độ và hậu quả phạm tội của bị cáo gây ra trong vụ án này thấy rằng:

Nguyễn Duy N là người đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành đáng lẽ phải tu dưỡng đạo đức, rèn luyện bản thân, làm ăn chân chính để làm gương cho các con. Nhưng chỉ vì hám lợi, coi thường pháp luật mà bị cáo đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội không nhưng xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây tác động xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, và còn ảnh hưởng đến tinh thần, công việc của người bị hại và gây tâm lý hoang

mang trong nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo bị bệnh tật từ nhỏ thường xuyên phải đi điều trị tại bệnh viện và hiện đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng của Nhà nước. Bởi vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nhằm giảm nhẹ cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự có nhân thân tốt và nơi ở ổn định nên không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà áp dụng quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương là đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với Trần Anh Ch có dùng dao dọa nhưng không có ý thức để cường đoạt tài sản và cũng không biết việc bị cáo N cưỡng đoạt tài sản của anh C nên không phạm tội. Đối với Hà Minh Qu, Lê Quang H, Mai Văn T, Lê Văn D và Nguyễn Hữu H tuy đi cùng Nguyễn Duy N nhưng không tham gia đe dọa chiếm đoạt tài sản nên không xử lý là có cơ sở.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra có thu giữ 01 đùi gỗ dài 01m, hình trụ tròn, đường kính 03cm; 01 cây rựa dài 70cm; 01 cây mã tấu dài 86cm. xét các vật chứng trên thu giữ trong vụ án, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Duy N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy N phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 135, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy N 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Duy N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Trong trường hợp Nguyễn Duy N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đùi gỗ dài 01m, hình trụ tròn, đường kính 03cm; 01 cây rựa dài 70cm; 01 cây mã tấu dài 86cm (các vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/9/2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Duy N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/9/2017) để yêu cầu toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xa nơi cư trú.

(Đã giải thích chế định án treo)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- CA huyện B;
- VKSND huyện B (2b);
- TAND tỉnh Q.Bình;
- THADS huyện B;
- THA phạt tù
- Bị cáo (4b);
- UBND xã H
- Người bị hại.
- Sở tư pháp QB

(đã ký)

Nguyễn Phúc N